

Số: 118/TB-CCTHADS

Tiêu Cần, ngày 29 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản thi hành án

Căn cứ Điều 98 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Bản án, Quyết định số: 115; 116; 117; 118; 119; 120; 121; 122; 123; 124; 125; 126; 127; 128; 129; 130; 131; 132; 133; 134; 135; 136; 137; 138; 139; 140; 141; 142; 143; 144; 145; 151; 152; 153; 154; 155; 437; 438; 439; 440/2020/QĐST-DS cùng ngày 23/11/2020; số: 146; 150; 236; 237; 238; 239; 240/2020/QĐST-DS cùng ngày 26/11/2020; số: 431; 442/2020/QĐST-DS cùng ngày 23/12/2020; số: 661; 662; 663; 664; 665; 667; 668; 669/2020/QĐST-DS cùng ngày 18/01/2021; số: 751; 752; 753; 754; 755; 756; 757; 758; 759; 760; 761; 762; 763; 764; 765; 766; 768; 769/2021/QĐST-DS cùng ngày 28/01/2021; số: 784; 785; 786; 787; 788; 789; 791; 792; 793; 794; 795; 796; 797; 798; 799; 780; 781; 782; 783; 801; 804; 805; 806; 807; 808; 809; 810; 881; 882/2021/QĐST-DS cùng ngày 01/02/2021; số: 867; 868; 869; 870; 871; 872; 873; 874; 875; 876; 883; 884; 885; 886; 887; 888; 889; 890; 891; 892; 893; 901; 902; 903; 904; 905; 906; 907; 908; 909; 910; 911; 912; 913; 914; 915; 916; 917; 918;/2021/QĐST-DS cùng ngày 08/02/2021; số: 975/2021/QĐST-DS ngày 08/3/2021; số: 1020; 2021/2021/QĐST-DS cùng ngày 22/3/2021; số: 1023; 1032; 1033; 1034; 1035; 0136; 1037; 1038; 1039; 1040; 1041; 1042; 1043; 1044; 1045; 1046; 1047; 1048; 1049; 2024; 2025; 2026; 2027; 2028; 2029; 2030/2021/QĐST-DS cùng ngày 23/3/2021; số: 1064; 1065/2021/QĐST-DS cùng ngày 25/3/2021; số: 1068/2021/QĐST-DS ngày 26/3/2021; số: 1201/2021/QĐST-DS ngày 28/5/2021; số: 750/2022/QĐST-DS ngày 28/01/2022; số: 22; 23/2021/DSST cùng ngày 07 tháng 7 năm 2021; số: 100; 101/2022/DSST cùng ngày 02 tháng 8 năm 2022; số: 105; 106/2022/DSST cùng ngày 03 tháng 8 năm 2022; số: 120/2022/DSST ngày 12 tháng 8 năm 2022 và số: 187/2022/DSST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định thi hành án số: 515; 516; 517; 518; 519; 520; 521; 523; 524; 525; 526; 527; 528/QĐ-CCTHADS cùng ngày 01/12/2020; số: 590; 591; 592; 593; 594; 600; 601; 602; 603; 604; 605; 606; 607; 608; 609; 610; 611; 612; 613; 614; 615; 616; 617; 726; 774;/QĐ-CCTHADS cùng ngày 10/12/2020; số: 833; 834; 835; 836; 837; 884/QĐ-CCTHADS cùng ngày 18/12/2020; số: 1546; 1550; 1551/QĐ-CCTHADS cùng ngày 18/01/2021; số: 1247; 1250; 1253; 2145; 2148; 2151/QĐ-CCTHADS cùng ngày 09/02/2021; số: 2479; 2480; 2481; 2482; 2483; 2484; 2485; 2495; 2496; 2497; 2565; 2701; 2703; 2706/QĐ-CCTHADS cùng ngày 02/3/2021; số: 3107; 3109; 3011; 3113; 3114; 3115/QĐ-CCTHADS cùng ngày 06/4/2021; số: 3326; 3328; 3330; 3348; 3350; 3352; 3354; 3356; 3358; 3360;



3394; 3398; 33400; 3302; 3304; 3466; 3467; 3468; 3469; 3470; 3471; 3472; 3473; 3474; 3475; 3476; 3477; 3478; 3479; 3480; 3481; 3482; 3483; 3500; 3501; 3502; 3503; 3504; 3505; 3507; 3508; 3509; 3510; 3511; 3512; 3513; 3514; 3515; 3516; 3517; 3518; 3519/QĐ-CCTHADS cùng ngày 19/5/2021; số: 3551; 3552; 3553; 3554; 3555; 3556; 3557; 3558/QĐ-CCTHADS cùng ngày 01/6/2021; số: 3581; 3582; 3595; 3596/QĐ-CCTHADS cùng ngày 02/6/2021; số: 3666; 3667; 3668; 3669; 3670; 3671; 3672; 3673; 3681; 3682; 3683; 3684; 3685; 3696; 3687; 3688; 3689; 3690; 3691; 3692; 3693; 3694; 3695; 3696; 3697; 3698; 3744; 3745/QĐ-CCTHADS cùng ngày 03/6/2021; số: 3763; 3765; 3767; 3769; 3775; 3777; 3783; 3803; 3805; 3807; 3809; 4007; 4017; 4021/QĐ-CCTHADS ngày 04/6/2021; số: 3167/QĐ-CCTHADS ngày 16/4/2021; số: 4064/QĐ-CCTHADS ngày 23/6/2021; số: 4483; 4485; 4489; 4492; 4500; 4501; 4502; 4509; 4510; 4528; 4534; 4537; 4538; 4539; 4540; 4541; 4542; 4543; 4545; 4544; 4546; 4547; 4548; 4549; 4550; 4551; 4552; 4553; 4554; 4555; 4556; 4557; 4558; 4559; 4560; 4561; 4562; 4563; 4564; 4565; 4566; 4567; 4568; 4569; 4570; 4571; 4572/QĐ-CCTHADS cùng ngày 02/8/2021; số: 251; 252/QĐ-CCTHADS cùng ngày 12/11/2021; số: 12711012; 1014; 1023/QĐ-CCTHADS ngày 13/4/2022; số: 1271/QĐ-CCTHADS ngày 27/6/2022; số: 65; 66; 78; 82; 83; 105; 107; 132; 133; 136; 138/QĐ-CCTHADS cùng ngày 24 tháng 10 năm 2022; số 317; 319/QĐ-CCTHADS cùng ngày 30 tháng 11 năm 2022 và số 373/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 06/QĐ-CCTHADS ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần thông báo về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản cưỡng chế kê biên của bà Kim Thị Nga (Sa Ren), sinh năm 1972, ông Thạch Sơn, sinh năm 1970, cùng địa chỉ: ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

1. Tài sản thẩm định giá:

1.1. Quyền sử dụng đất thửa số 120, diện tích 1.398,4m², tờ bản đồ số 53, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh do bà Kim Thị Nga đứng tên quyền sử dụng đất, đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 122, có số đo 49,97m;
- Hướng Tây giáp thửa 21 có số đo 50,49m;
- Hướng Nam giáp đường nhựa, có số đo 28,08m.
- Hướng Bắc giáp thửa 121, có số đo 27,61m.

* Tài sản gắn liền với đất như sau:

- Nhà trước: (nhà chính) kết cấu khung bê tông cốt thép, mái tole, nền gạch men có trần, có diện tích 14,6 x 8,4 = 122,64m²;
- Nhà sau: kết cấu khung bê tông cốt thép, mái tole, nền gạch men có trần, có diện tích 13,8 x 8,4 = 115,92m²;

- Chuông heo: kết cấu, mái tole xi măng, nền láng xi măng, cột bê tông cốt thép, đoàn tay gỗ xây dựng, có diện tích $5,7 \times 17,7 = 100,89\text{m}^2$;
- + Nền láng xi măng (1): diện tích $4,1 \times 6,3 = 25,83\text{m}^2$;
- + Nền láng xi măng (2): diện tích $10,5 \times 1,3 = 13,65\text{m}^2$;
- + Nền gạch lót vỉa hè: (01) diện tích $4,2 \times 11,7 = 49,14\text{m}^2$;
- + Nền gạch lót vỉa hè: (02) diện tích $5 \times 14,8 = 74\text{m}^2$;
- + Nền gạch lót vỉa hè: (03) diện tích $2,4 \times 15,1 = 36,24\text{m}^2$;
- Hàng rào lưới B40 (1): kết cấu xây tường lửng, cột bê tông cốt thép, có diện tích $28 \times 2 = 56\text{m}^2$;
- Hàng rào lưới B40 (2): kết cấu xây tường lửng, cột bê tông cốt thép, có diện tích $21,6 \times 2 = 43,2\text{m}^2$;
- Hàng rào lưới B40 (3): kết cấu xây tường lửng, cột bê tông cốt thép, có diện tích $27,6 \times 2 = 55,2\text{m}^2$;
- Cây trái trên đất:
 - + 03 (ba) cây me (từ 07 đến 25 năm);
 - + 01 (một) cây dừa (từ 02 đến 03 năm);
 - + 01 (một) cây dừa (từ 07 đến 25 năm);
 - + 01 (một) cây ổi (từ 02 đến 10 năm);
 - + 11 (mười một) cây chuối.

1.2. Quyền sử dụng đất thửa số 176, diện tích 2.936m^2 , tờ bản đồ số 18, loại đất trồng lúa nước, đất tọa lạc tại ấp Cây Ổi, xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh do bà Kim Thị Nga, ông Thạch Sơn đứng tên quyền sử dụng đất, đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp tờ bản đồ số 19, có số đo 26,40m.
- Hướng Tây giáp xã Hiếu Tử, có 06 đoạn số đo ($2,37\text{m} + 20,51\text{m} + 3,16\text{m} + 4,83\text{m} + 8,3\text{m} + 3,95\text{m}$);
- Hướng Nam giáp kênh, giáp thửa số 03, có số đo 105,47m;
- Hướng Bắc giáp thửa số 02, có số đo 84,18 m.

2. Mục đích thẩm định giá:

Xác định giá thực tế của các tài sản cưỡng chế kê biên để làm giá khởi điểm ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản thi hành án theo quy định của pháp luật.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức thẩm định giá:

Lựa chọn và ưu tiên lựa chọn các tổ chức thẩm định giá có đủ các tiêu chí sau:

- Công ty thẩm định giá được lựa chọn phải thuộc danh sách công khai Công ty thẩm định giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá của Bộ Tài chính theo Thông báo số 120/TB-BTC ngày 31/12/2019.

- Công ty thẩm định giá được lựa chọn không thuộc trường hợp không được thẩm định giá của Luật giá và các văn bản hướng dẫn thi hành.



- Đáp ứng đủ tiêu chuẩn của hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam được ban hành theo Nghị định số 89/2013/ĐN-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá và thẩm định giá; Thông tư số 39/2014/TT-BTP ngày 23/8/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 89/2013/ĐN-CP ngày 06/8/2013; Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 của Bộ Tài chính quy định về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá.

- Giá dịch vụ thẩm định giá trọn gói (Bao gồm chi phí đi xác minh, thu thập thông tin để thẩm định giá).

- Các tiêu chí khác: Cung cấp chứng thư theo quy định, chịu trách nhiệm về giá trị thẩm định.

4. Hồ sơ năng lực gồm:

- Hồ sơ pháp lý Công ty thẩm định giá;
- Bảng mô tả năng lực Công ty;
- Thư chào dịch vụ thẩm định giá;
- Danh sách Công ty thẩm định giá đủ điều kiện thẩm định giá năm 2020 của Bộ Tài chính;
- Bản phô tô công chứng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của Bộ Tài chính.

5. Thời gian nộp hồ sơ:

Từ ngày 30/3/2023 đến 17 giờ 00 phút ngày 31/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, địa chỉ: ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (trong giờ hành chính). SĐT: 02943.822.092.

Vậy chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh thông báo để các tổ chức thẩm định giá biết và đăng ký tham gia theo Luật định./.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Trang thông tin điện tử Tổng cục THADS;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN



Thạch Sa Oanh